



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

*(Giấy CNĐKDN số: 4600100109 do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu
ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày 17/5/2018 về nội dung thay đổi đăng ký DN)*

Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trưng Vương, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3851 537; Fax: 0208 3852 976; Website: thawaco.vn

Số: 135 /BC-CTCPNS


Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Theo hướng dẫn tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên**
- Tên Tiếng Anh : **THAI NGUYEN WATER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **TWACO**
- Logo : 
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4600100109**
(Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày 17/5/2018 về nội dung thay đổi đăng ký doanh nghiệp)
- Vốn điều lệ : **160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).**
- Trụ sở chính : **Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, TP.Thái Nguyên**
- Điện thoại : **(+84).0208.3851537**
- Fax: **(+84).0208.3852976**
- Website : **http://www.thawaco.vn**
- Người đại diện theo pháp luật : **Nguyễn Quang Mãi, chức vụ: Chủ tịch HĐQT**



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:

Năm 1962: Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.



Ngày 31/12/1992: Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.

Ngày 24/11/1993: Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.



Ngày 04/4/1997: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.



Ngày 07/10/2005: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ- UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.



Ngày 22/10/2009: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.



Ngày 21/10/2014: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

<u>Stt</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290
7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thị xã Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;

- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diềm Thuy và các vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 05 thành viên
 - + Các phòng chức năng: 05
 - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
 - + Chi nhánh xí nghiệp sản xuất: 08

4.3 Công ty con: :

(1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

(2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)



- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

4.4. Công ty liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Vốn điều lệ thực góp: 58.497.884.166 VND (Năm mươi tám tỷ, bốn trăm chín bảy triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn một trăm sáu sáu đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 20,9% vốn điều lệ đăng ký kinh doanh.

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo an toàn cấp nước cho khu vực trung tâm, phía Bắc, phía Tây thành phố Thái Nguyên và các vùng lân cận.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch 90-95 %.

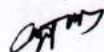
5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (Nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Giá bán nước không được điều chỉnh kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.



- Việc sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí di chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Tỷ lệ TH so năm 2018
1	Công suất các nhà máy	m3/ngày	70.750	51.109	72,2 %	102,6 %
2	Khách hàng đến 31/12/2019	hộ	76.250	75.560	99,1 %	103,0 %
3	Sản lượng nước sản xuất	m3	18.849.000	18.655.141	99,7 %	102,6 %
4	Sản lượng nước thương phẩm	m3	15.280.000	15.064.842	98,6 %	102,5 %
5	Tỷ lệ thất thoát nước	%	18,61	18,38	- 0,23 %	- 0,63 %
6	Giá trị tổng sản lượng	đồng	196.438.240.000	188.919.068.000	96,2 %	109,1 %
7	Tổng doanh thu	đồng	192.070.650.000	191.418.928.126	99,6 %	107,5 %
8	Lợi nhuận trước thuế	đồng	8.443.150.000	9.675.526.258	114,5 %	121,2 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	19.692.120.000	20.931.021.535	106,2 %	108,1 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(11.248.970.000)	(11.255.495.277)	100,05 %	98,9 %
9	Nộp ngân sách NN	đồng	14.168.210.000	14.956.420.720	105,6%	97,3 %

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 không có biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp; năm 2019 giá bán nước đã được UBND tỉnh điều chỉnh tăng lên trung bình khoảng 4%.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:



TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết gồm cả CP đại diện (Tính đến ngày 31/12/2019)
1.	Nguyễn Xuân Học	Phụ trách TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư Cấp Thoát nước	621.453
3.	Nông Quốc Bình	PTGD	1962	Kỹ sư Kinh tế	0
4.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	1.656.984
5.	Nguyễn Cẩm Tú	Kế toán trưởng	1964	Cử nhân Kế toán	0

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Từ ngày 01/11/2019 ông Nguyễn Xuân Học là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công ty thay ông Trương Đình Thực thôi không đảm nhiệm Tổng Giám đốc do chuyển đơn vị công tác.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2019:

Tổng số lao động: 465 người (Bao gồm cả 53 người của 02 công ty con)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế nội bộ không có thay đổi lớn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Kết quả thực hiện giải ngân các dự án/Các khoản thực hiện đầu tư: 9.792 triệu đồng là các khoản đầu tư trong hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch.

3.2. Công ty con:

Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên chính thức thành lập và đi vào hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 09/3/2016. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 có lãi.

Công ty TNHH Friend chính thức thành lập và đi vào hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 14/04/2017. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 có lãi.

3.3. Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Doinco Việt Nam đăng ký doanh nghiệp ngày 05/4/2019, hiện sản xuất kinh doanh chưa có lãi.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	500.641.650.075	514.837.840.426	2,8 %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	149.726.276.837	118.002.192.548	(21,2) %
	- Tài sản dài hạn	đồng	350.915.373.238	396.835.647.878	13,1 %
2	Doanh thu thuần	đồng	173.964.987.747	187.445.682.555	7,7 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	7.558.467.829	10.735.588.528	42 %
4	Lợi nhuận khác	đồng	424.754.129	(1.060.062.270)	(249) %
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.983.221.958	9.675.526.258	21,2 %
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.479.025.789	4.835.476.559	39,0 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	14.816.841.347	16.090.971.836	8,5 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(11.372.931.619)	(11.255.495.277)	(1,03) %
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức khu vực cổ phần	%	6,5	7,0	0,5 %

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,16	0,75	
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,04	0,65	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,51	0,54	
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,06	1,18	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	4,41	4,93	

Handwritten signature

	- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	0,35	0,36	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	0,020	0,026	
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	0,014	0,021	
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	0,007	0,009	
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	0,10	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100% là cổ phần phổ thông, trong đó:

- + Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

- + Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
- + Mã chứng khoán: TNW
- + Mã ISIN: VN000000TNW1
- + Sàn giao dịch: UPCOM
- + Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- + Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu
- + Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)
- + Hình thức đăng ký: Ghi sổ

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5.2 Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm tháng 31/12/2019):

- (1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ
- Cổ đông lớn: 02 CĐ, nắm giữ 83,27% Vốn Điều lệ
 - Cổ đông nhỏ: 350 CĐ, nắm giữ 16,73% Vốn Điều lệ

- Cơ cấu cổ đông là tổ chức và
- (2) cổ đông cá nhân
- | | | | |
|-----------------------|-----------------|--------|-------------|
| - Cổ đông là tổ chức: | 02 CD, nắm giữ | 83,27% | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông là cá nhân: | 350 CD, nắm giữ | 16,73% | Vốn Điều lệ |
- (3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài
- | | | | |
|-----------------------|-----------------|------|-------------|
| - Cổ đông trong nước: | 352 CD, nắm giữ | 100% | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông nước ngoài: | không có | | |
- (4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác
- | | | | |
|---------------------|-----------------|--------|-------------|
| - Cổ đông nhà nước: | 01 CD, nắm giữ | 42,27% | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông khác: | 351 CD, nắm giữ | 57,73% | Vốn Điều lệ |

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: 18.655.141 m³ nước khai thác.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 5.626.238 KWh.

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.3. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

a) Nguồn cung cấp nước: Nước ngầm và nước sông Công.

Lượng nước sử dụng: 18.655.141 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.



6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: 465 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 7.800.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập về các văn bản của Đảng, pháp luật mới của Nhà nước...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019 Ban Tổng Giám đốc đã tập trung điều hành quyết liệt nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ thường niên đề ra, công tác sản xuất nước duy trì ổn định, cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, bảo đảm chất lượng và các định mức kỹ thuật. Chỉ tiêu sản lượng nước thương phẩm đạt 98,6% so kế hoạch năm, song tăng trưởng 2,5% so năm 2018; tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm giảm được 0,23% so kế hoạch. Nguyên nhân sản lượng nước thương phẩm chưa đạt kỳ vọng do mức sử dụng bình quân hàng tháng của các hộ không tăng, năm 2019 đã tăng thêm bình quân 2.240 hộ khách hàng nhưng không có khách hàng tiêu thụ lớn, chủ yếu là các hộ gia đình, nhiều hộ khách hàng kể cả hộ cơ quan, đơn vị sử dụng cả nguồn nước giếng khoan, giếng đào, các nguồn nước khai thác do không phải nộp các khoản thuế, phí, dịch vụ thoát nước nên giá thành thấp hơn; số lượng sinh viên, công nhân khu công nghiệp trên địa bàn giảm. Một số công trình thi công xây lắp chậm tiến độ do chủ



đầu tư chưa giao được mặt bằng thi công. Tuy nhiên chỉ tiêu Tổng doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước đều vượt kế hoạch đề ra.

Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên chậm tiến độ do vướng mắc nhiều thủ tục về bồi thường giải phóng mặt bằng nên chưa thể khởi công trong năm 2019, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch giải ngân dự án.

Các hoạt động khác của Công ty được duy trì ổn định, bảo đảm 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, tăng trưởng; công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự được giữ vững.

2. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài sản:* Không có biến động lớn.

b) *Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:* Không có biến động lớn về các khoản nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã tinh gọn giảm một đầu mối chi nhánh trực thuộc, công tác đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, người lao động được duy trì thực hiện hàng tháng.

Tiếp tục tăng cường thực hiện quản lý và cải tiến chất lượng theo chu trình PDCA (*Lập kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Hành động, cải tiến*) đối với các hoạt động trọng yếu của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thất thoát nước lớn.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước.



b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*: Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*: Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhất trí theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tại Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

+ *Ưu điểm*: Đã điều hành duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch được ĐHĐCĐ điều chỉnh, đã có nhiều nỗ lực, giải pháp tích cực nhằm thực hiện kế hoạch sản lượng nước thương phẩm, giảm tỷ lệ thất thoát nước, hoàn thành tốt chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận, bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động nghiêm trọng xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

+ *Hạn chế*: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt được kế hoạch của ĐHĐCĐ đề ra (Sản lượng nước thương phẩm, giá trị sản lượng xây lắp, giải ngân Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên) do có nhiều yếu tố khách quan tác động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục rà soát để tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với tính chất ngành nghề, nâng cao chất lượng cán bộ, người lao động.

- Tiếp tục xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật để nâng cao công tác quản lý, giám sát; xây dựng mô hình khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng lĩnh vực.

- Bảo đảm điều chỉnh giá bán nước sạch hợp lý có lộ trình và các biến động lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, hướng tới giá nước sinh hoạt khu vực cổ phần không áp dụng dụng giá lũy tiến để khuyến khích người dân sử dụng

nước bảo đảm vệ sinh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục triển khai, nghiên cứu thực hiện các dự án đầu tư:

+ Dự án phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên bằng nguồn vốn vay ADB và vốn Công ty;

+ Dự án Cấp nước cho nghĩa trang An Lạc Viên INDEVCO và nhân dân trong khu vực lân cận xã Thịnh Đức;

+ Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho khu hành chính mới và các khu dân cư trên địa bàn huyện Đồng Hỷ;

+ Công trình cấp nước cho khu công nghiệp Sông Công II.

- Tiếp tục đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp; đầu tư đường ống bổ sung lưu lượng cấp nước cho khu vực trung tâm thành phố Thái Nguyên, phía Tây, phía Bắc thành phố Thái Nguyên, bổ sung hệ thống đường ống mới để phát triển cấp nước các khu vực chưa được cấp nước, các khu vực mới sáp nhập về thành phố Thái Nguyên.

- Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tiến tiến trong quản lý sản xuất nước sạch, quản lý khai thác tài nguyên nước, quản lý chống thất thu, thất thoát, an toàn vệ sinh lao động, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giao dịch với khách hàng (Ghi số đồng hồ, thu ngân, tiếp nhận thông tin của khách hàng...), trong đó ưu tiên nội dung đầu tư để đáp ứng theo yêu cầu quy định của pháp luật nhà nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Tính tại thời điểm 31/12/2019):

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 31/12/2019)
1	Nguyễn Quang Mão	Chủ tịch	1977	Thạc sĩ kỹ thuật	6.560.000
2	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	1969	KS. Quản trị doanh nghiệp	1.656.984
3	Nguyễn Bá Quyết	Thành viên	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh KS. Cấp thoát nước	336.426
4	Nông Quốc Bình	Thành viên	1962	KS. Kinh tế	0

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 16 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo Quản trị năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

1.6 Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thành viên	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nông Quốc Bình	Thành viên	1962	Kỹ sư Kinh tế
3	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

2. Ban Kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 31/12/2019)
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng Ban	1981	Cử nhân Tài chính kế toán	75
2	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	1979	Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Cử nhân kinh tế	13.611
3	Thân Hương Lan	Thành viên	1993	Cử nhân kế toán	0

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ;

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Diễn giải	Lương	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác (lễ, tết)	Tổng cộng
I	HĐQT, Ban TGD	1.362.252.000	1.460.000.000	979.200.000	245.327.000	4.046.779.000
1	Nguyễn Quang Mãi		250.000.000	528.000.000	205.627.000	983.627.000
2	Trương Đình Thực	277.390.000	250.000.000	105.600.000	7.700.000	640.690.000
3	Nguyễn Bá Quyết	245.853.000	250.000.000	115.200.000	8.000.000	619.053.000
4	Nguyễn Văn Tiến	254.653.000	250.000.000	115.200.000	8.000.000	627.853.000
5	Nông Quốc Bình	253.303.000	250.000.000	115.200.000	8.000.000	626.503.000
6	Nguyễn Xuân Học	331.053.000	210.000.000	0	8.000.000	549.053.000
II	Ban Kiểm Soát	148.847.500	550.000.000	599.280.000	49.000.000	1.347.127.500
1	Vũ Tiến Bộ		210.000.000	330.000.000	8.000.000	548.000.000
2	Hoàng Thị Huệ	148.847.500	170.000.000	84.480.000	33.000.000	436.327.500
3	Thân Hương Lan		170.000.000	184.800.000	8.000.000	362.800.000

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Tính đến 31/12/2019): Theo Phụ lục 1, Phụ lục 2.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới và thay thế đồng hồ đo nước trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

- Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Hà Nội có mối quan hệ cùng thành viên Ban Lãnh đạo có hợp đồng giao dịch bán hàng hóa giá trị 9,393 tỷ đồng.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên: Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Trong năm 2019, Lợi nhuận trước thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm kết quả hoạt động của các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Điềm Thụy (Đây là các đơn vị thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động theo các quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên). Theo công văn số 3331/UBND-KTTH ngày 02/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện thông báo số 881/TB-BTC ngày 10/11/2014 của Bộ Tài chính, công văn yêu cầu Sở Tài chính phối hợp Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Quản lý giá tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện đề án bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và giải quyết bù trừ lỗ của các Xí nghiệp nước sạch các huyện, từ nguồn cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh vẫn chưa giải quyết bù trừ lỗ cho Công ty. Số lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2019 của các đơn vị trên là: 65.752.180.192 VND.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và HĐQT Công ty đã phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2019, được công bố thông tin theo thời hạn quy định./.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Quang Mãi



Phụ lục 1: DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

I. CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (Mua, bán, thưởng, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	UBND Tỉnh Thái Nguyên	Cổ đông Nhà nước	6.763.200	42,27	6.763.200	42,27	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Cổ đông lớn	6.560.000	41,00	6.560.000	41,00	
3	Nguyễn Quang Mão	Chủ tịch HĐQT	0	0,00	0	0,00	
4	Nguyễn Bá Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	621.453	3,884	621.453	3,884	
5	Nông Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	31.697	0,198	0	0,000	Bán
6	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	25.111	0,157	0	0,000	Bán
7	Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Công ty	25.899	0,162	0	0,000	Bán
8	Nguyễn Cẩm Tú	Phụ trách kế toán	10.800	0,068	0	0,000	Bán
9	Vũ Tiến Bộ	Trưởng Ban Kiểm soát	75	0,000	75	0,000	

(Handwritten signature)

10	Thân Hương Lan	Kiểm soát viên	0	0,000	0	0,000	
11	Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	13.611	0,085	13.611	0,085	
	Cộng		14.051.846	87,82	13.958.339	87,24	

II. NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (Mua, bán, thưởng, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Thị Nhâm	Vợ Ông Nguyễn Xuân Học, Phó Tổng Giám đốc	13.189	0,082	0	0,000	Bán
2	Nguyễn Đức Duy	Con Bà Nguyễn Cẩm Tú, Phụ trách Kế toán	2.000	0,013	2.000	0,013	
3	Nguyễn Huy Biên	Chồng Bà Hoàng Thị Huệ, Kiểm soát viên	9.632	0,060	9.632	0,060	
	Cộng		24.821	0,155	11.632	0,073	

Handwritten signature



Phụ lục 2: TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

STT	Tên tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (Mua, bán, thưởng, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Tiến Soạn	Trưởng phòng Kinh doanh	15.000	0,09	0	0,00	Bán
2	Phạm Thị Thanh Ngân	Trưởng phòng Quản lý đầu tư	0	0,00	0	0,00	
3	Đặng Thị Duyên	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	5.050	0,032	0	0,000	Bán
4	Lê Huy Phú	Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật	48	0,0003	48	0,0003	
5	Phạm Quốc Hùng	Giám đốc XNNS Túc Duyên, XNNS Trại cau	22.290	0,14	7.290	0,05	Bán
6	Phạm Hồng Hà	Giám đốc XNNS Đại Từ	3.500	0,022	3.500	0,022	
7	Phạm Đức Mạnh	Giám đốc XNKDNS Thái Nguyên	20.100	0,126	0	0,000	Bán
8	Hà Văn Hải	Giám đốc XNNS Sông Công	1.977	0,012	1.977	0,012	
9	Nguyễn Huy Quỳnh	Phụ trách XNNS Võ Nhai	2.081	0,013	2.081	0,013	

Handwritten signature

10	Bùi Đức Dương	Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên	0	0,000	0	0,000	
11	Vũ Thị Minh Hương	Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nước sạch Thái Nguyên	3.558	0,022	3.558	0,022	
12	Hà Anh Tuấn	Giám đốc Công ty TNHH Friend	1.688	0,011	1.688	0,011	
13	Nguyễn Thị Minh Thảo	Phụ trách kế toán Công ty TNHH Friend	3.686	0,023	0	0,000	Bán
	Cộng		78.978	0,49	20.142	0,13	

Handwritten signature